TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 164/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hồ Văn Q, sinh năm 1993; căn cước công dân số 046093012446, cấp ngày 30/5/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, thành phố Huế .

- Chị Lê Thị B, sinh năm 1996; căn cước công dân số 046196016176, cấp ngày 30/5/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, thành phố Huế .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 năm thì đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, thành phố Huế) trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Q và chị B chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hòa hợp và không có tiếng nói chung làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh Q và

chị B đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Nay anh Q và chị B đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị B là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị B.

[2] Về con chung: Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B xác nhận có 03 con chung là Hồ Như C sinh ngày 30/07/2019, Hồ Như Q1 sinh ngày 19/09/2021 và Hồ Văn Nhân T, sinh ngày 25/04/2024.

Anh Q và chị B thỏa thuận: Giao ba con Hồ Như C, Hồ Như Q1, Hồ Văn Nhân T cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là các cháu C, Q1, T mỗi tháng cho mỗi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng/con), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B xác nhận có 03 con chung là Hồ Như C sinh ngày 30/07/2019; Hồ Như Q1 sinh ngày 19/09/2021; Hồ Văn Nhân T sinh ngày 25/04/2024.

Giao ba con chung là các cháu Hồ Như C, Hồ Như Q1, Hồ Văn Nhân T cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là các cháu Ý, Q1, T mỗi tháng cho mỗi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng/con), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung:* Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ về tài sản:* Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000161 ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Hồ Văn Q và chị Lê Thị B đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1, thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã P;
(*ĐKKH số 54 ngày 08/5/2018 tại UBND xã Ph cũ);*
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh